

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST

Ngày: 23-9-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-DS ngày 12-8-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 12, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trương Nguyễn Lan N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 01 đường L, tổ 18, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Là Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 4 năm 2019).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 11, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị N có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2019, các tài liệu có tại hồ sơ chị Trương Nguyễn Lan N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thông qua mối quan hệ bạn bè và sự thân quen giữa hai bên gia đình nên ngày 25-9-2016 anh Nguyễn Ngọc N có cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thúy L vay số tiền 140.000.000 đồng để lo việc gia đình, việc cho vay không có lãi suất.

Anh H có viết giấy mượn tiền và cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả đủ số tiền vay. Mặc dù giấy mượn tiền do một mình anh H viết nhưng chị L đồng ý với việc vay tiền. Do đó, khi hết thời hạn cam kết trả nợ nhưng không thấy anh H, chị L trả nợ. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh H, chị L trả nợ nhưng nhiều lần hứa hẹn mà không trả. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ buộc anh Nguyễn Văn H phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 26-10-2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 9%/năm với tổng số tiền là 36.505.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 176.505.000 đồng.

** Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, 35, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N: Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền đã mượn vào ngày 25-9-2016 là 140.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả đối với số tiền đã mượn theo mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 26-10-2016 đến ngày 23-9-2019 là 36.505.000 đồng, tổng cộng là 176.505.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng anh

H không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của anh N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Giấy mượn tiền đề ngày 25-9-2016 do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh Nguyễn Văn H có vay của anh Nguyễn Ngọc N số tiền 140.000.000 đồng và cam kết trả nợ trong thời gian 01 tháng, từ ngày 25-9-2016 đến ngày 25-10-2016. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày anh Nguyễn Văn H không thực hiện đúng cam kết và chưa trả cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc anh H phải trả số tiền gốc là 140.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 25-9-2019 là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Giấy mượn tiền đề ngày 25-9-2016 hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 25-9-2016 đến ngày 25-10-2016), đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ khoản 4, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì trường hợp vay không có lãi mà đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ. Do đó, anh N yêu cầu anh H thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26-10-2016 là có căn cứ, được chấp nhận.

Về mức lãi suất anh N yêu cầu anh H phải trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền 140.000.000 đồng theo mức 9%/năm được tính từ ngày 26-10-2016 đến ngày 23-9-2019 với số tiền là 36.505.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 8.825.000 đồng (176.505.000 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền đã vay vào ngày 25-9-2016 là 140.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 26-10-2016 đến ngày 23-9-2019 là 36.505.000 đồng, tổng cộng là 176.505.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 8.825.000đ (Tám triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền tạm ứng án phí 4.342.000đ (Bốn triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) anh Nguyễn Ngọc N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000472 ngày 11-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa